TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM PỒ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HS-ST
Ngày: 13-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Thúy

Ông Vàng A Hý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Lê Xuân Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điên Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 80/2022/TLST-HS ngày 23/8/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS ngày 30/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý Thị M, sinh ngày 20/02/1948 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý A X (đã chết) và bà Vừ Thị X1 (đã chết); Bị cáo có chồng là Thào A C và 06 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* : Ông Lê Đình Thu, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nậm Pồ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú T, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sùng A S1, chức vụ: Phó Chủ tịch (Theo Quyết định số 21/QĐ-UBND, ngày 14/02/2022), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Cộng đồng dân cư bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện

theo pháp luật: Ông Sùng A K, chức vụ: Trưởng bản, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Thào Thị T, sinh năm 1994, có mặt.

Bà Thào Thị N, sinh năm 2002, có mặt.

Bà Sùng Thị A, sinh năm 1978, có mặt.

Cùng địa chỉ: Bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Người phiên dịch tiếng Mông cho bị cáo Lý Thị M*: Ông Hồ A D; sinh năm 1984; địa chỉ: Bản H4, xã N3, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông cho bà Sùng Thị A*: Anh Thào A T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người được Tòa án triệu tập*: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1987, Kiểm lâm địa bản xã H, Hạt Kiểm lâm huyện N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có đất canh tác nên sáng ngày 05/12/2021, Lý Thị M một mình mang theo 01 con dao quắm đi bộ lên khu vực rừng tự nhiên mà gia đình May đã làm nương vào năm 2016, thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên để phát rừng làm nương mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền. Do đã già yếu nên đến sáng ngày 06/12/2021, Lý Thị M nhờ thêm 02 con gái là Thào Thị T, Thào Thị N và con dâu là Sùng Thị A ở cùng bản S, xã H đi phát nương đổi công tại khu vực rừng mà May đã phát ngày hôm trước. Lý Thị M cùng với Thào Thị T, Thào Thị N, Sùng Thị A mỗi người sử dụng 01 con dao quắm, có cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại chặt phá toàn bộ độ che phủ của nhiều loại cây khác nhau trong 01 buổi sáng ngày 06/12/2021, đến khoảng 12 giờ trưa cùng ngày, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã H, huyện N tuần tra phát hiện hành vi chặt phá, hủy hoại rừng nên đã yêu cầu dừng lại và ra Quyết định đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật số 01/QĐ-UBND, ngày 06/12/2021.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/12/2021 (có bản ảnh và thống kê kèm theo) đã xác định: Xung quanh hiện trường là đồi núi và rừng, diện tích rừng bị chặt phá là 6.344m^2 (sáu nghìn ba trăm bốn mươi bốn mét vuông), mức độ thiệt hại 100%. Các cây gỗ bị chặt phá có đường kính, kích thước chiều dài khác nhau từ nhóm V đến nhóm VIII gồm: Ba soi, Hu đay, Thành ngạnh, Thẩu tấu… có chiều cao trung bình là 6,85 m, đường kính trung bình là 7,32 cm. Tổng khối lượng gỗ tròn bị chặt phá là 4,155 m^3, khối lượng củi tận thu là 4,999 m^3.

Tại kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS, ngày 28/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, xác định tổng giá trị thiệt hại về lâm sản do Lý Thị M gây ra là 9.059.850 (chín triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm năm mươi) đồng; doanh thu từ dịch vụ môi trường rừng là 1.756.120 (một triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm hai mươi)

đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 10.815.970 (mười triệu tám trăm mười lăm nghìn chín trăm bẩy mươi) đồng.

Tại Kết luận Giám định số 14/KL-GĐ, ngày 19/7/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Điện Biên, đã xác định: Vị trí diện tích 6.344 m^2 có cây gỗ tự nhiên bị chặt phá thuộc tiểu khu 473, khoảnh 6 được quy hoạch là rừng sản xuất, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về phê duyệt dự án, Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, có diện tích 1.720 m^3 (trước đây là tiểu khu 473, khoảnh 8, Lô a) đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản S, xã H theo Quyết định số 2151/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên; còn lại diện tích 4.624 m^3 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N quản lý.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSNP ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lý Thị M về tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, bị cáo Lý Thị M đã giao nộp vật chứng là 01 con dao quắm dài 104 cm, cán dao bằng gỗ dài 66 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm là công cụ phạm tội.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Thào Thị T, Thào Thị N và Sùng Thị A đều khai nhận vào sáng ngày 06/12/2021, bị cáo Lý Thị M có nhờ Trừ, Náng và Sùng Thị A đi phát nương đổi công cho Lý Thị M. Tuy nhiên, vị trí phát nương là do Lý Thị M chỉ dẫn và nói là đã xin phép cơ quan có thẩm quyền, vì vậy những người này không biết khu vực phát nương đã được quy hoạch là rừng sản xuất.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lý Thị M về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, o, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 104 cm. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo; áp dụng tình

tiết giảm nhẹ theo điểm b, o, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt cải tạo không giam giữ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Lý Thị M nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi vi phạm của bị cáo là rõ ràng, gây thiệt hại cho Nhà nước nên yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại; người đại diện hợp pháp của cộng đồng dân cư bản S có ý kiến: Bản S thường xuyên tuyên tuyền, tổ chức họp dân trong công tác bảo vệ, phát triển rừng, tuy nhiên do một số hộ dân không biết chữ, không biết tiếng phổ thông nên nhận thức pháp luật hạn chế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lý Thị M đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Trong ngày 05/12/2021 và sáng ngày 06/12/2021, bị cáo Lý Thị M đã sử dụng 01 con dao quắm có tổng chiều dài 104 cm, cán dao bằng gỗ dài 66 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm, phát trắng toàn bộ diện tích 6.344 mét vuông (m^2) rừng tự nhiên. Do bị cáo già yếu nên sáng ngày 06/12/2021, bị cáo đã nhờ thêm 02 con gái là Thào Thị T, Thào Thị N và con dâu là Sùng Thị A đi phát rừng đổi công. Vị trí rừng bị chặt phá là khoảnh 6 tiểu khu 473, quy hoạch rừng sản xuất, trạng thái Rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK), theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND, ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên, thuộc bản S, xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên. Trong đó, có diện tích 4.624 m^2 là do Ủy ban nhân dân xã H, quản lý bảo vệ và diện tích là 1.720 m^2 (trước đây là tiểu khu 473, khoảnh 8, Lô a) đã được giao cho Cộng đồng dân cư bản S, xã H theo Quyết định số 2151/QĐ-UBND, ngày 23/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên. Mục đích bị cáo chặt phá rừng là để lấy đất trồng cây quế, gây thiệt hại về lâm sản là 9.059.850 đồng, thiệt hại về doanh thu từ dịch vụ môi trường rừng là 1.756.120 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lý Thị M phạm tội Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...*

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m^2) đến dưới 10.000 mét vuông (m^2);..."

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến môi trường rừng, là nguyên nhân dẫn đến thiên tai và biến đổi khí hậu, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

[3] Về nhân thân: Bị cáo Lý Thị M là người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực biên giới, là vùng điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết tiếng phổ thông, không biết chữ, không hiểu biết pháp luật, vì muốn có đất để canh tác nên đã chặt phá rừng. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần là do bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, một phần là do xuất phát từ tập quán canh tác lạc hậu của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo sinh năm 1948, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã hơn 70 tuổi. Mặc dù bị cáo đã già yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về rừng là 5.000.000 đồng cho Nhà nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lý Thị M từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự, thì trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã trên 70 tuổi, gia đình bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn nên miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Đồng

thời, không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo, do bị cáo đã già yếu, theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nương, thu nhập thấp, bị cáo đã già yếu, gia đình bị cáo ngoài đồ dùng sinh hoạt, không có tài sản giá trị nên bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa: Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, o, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 104 cm, cán dao bằng gỗ dài 66 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm là công cụ phạm tội của bị cáo.

Đối với các cây gỗ bị chặt phá, Hạt Kiểm lâm huyện N đã giao Ủy ban nhân dân xã H, huyện N quản lý, do địa hình rừng núi khó khăn không vận chuyển được, các cây gỗ đã mục nát, không còn giá trị sử dụng nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 03 con dao quắm do Thào Thị T, Thào Thị N và Sùng Thị A sử dụng để chặt phá rừng, do sau khi bị phát hiện hành vi, những người này đã vứt 03 con dao ở trên rừng, gần khu vực phát nương. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng do địa hình đồi núi, cây cối rậm rạp đã không tìm thấy 03 con dao này, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền 10.815.970 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền còn lại là 5.815.970 đồng.

[9] Đối với Thào Thị T, Thào Thị N và Sùng Thị A là người đã đi phát rừng đổi công cho bị cáo vào sáng ngày 06/12/2021. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xác minh làm rõ, những người này phát nương theo sự chỉ dẫn của bị cáo và được bị cáo cho biết đã xin phép cơ quan có thẩm quyền, do đó những người này không biết vị trí phát là khu vực rừng, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm.

Đối với nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cộng đồng dân cư bản S, xã H có đơn xin xét xử vắng mặt, tại giai đoạn điều tra đều đã có lời khai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xét thấy bị cáo là dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã H, huyện N là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[12] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lý Thị M phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, o, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lý Thị M 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên, là nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Lý Thị M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 31/2022/LCCT-TA, ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên đối với bị cáo Lý Thị M.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lý Thị M phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 10.815.970 (mười triệu tám trăm mười lăm nghìn chín trăm bẩy mươi) đồng, được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 5.000.000 (năm triệu) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0002811, ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 5.815.970 (năm triệu tám trăm mười lăm nghìn chín trăm bẩy mươi) đồng.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm đã qua sử dụng, có tổng chiều dài 104 cm, trong đó cán dao bằng gỗ dài 66 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 38 cm.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/8/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lý Thị M.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Bộ phận HSNV CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vàng A Hý **Nguyễn Văn Thúy** **Phạm Thị Sao**